

Giám sát xã hội ngăn ngừa hành vi trục lợi trong hoạch định và thực thi chính sách công

Nguyễn Vũ Hoàng¹, Nguyễn Văn Chung²

^{1,2} Tạp chí Cộng sản.

Email: nguyenchungtcscs@gmail.com

Nhận ngày 18 tháng 8 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Tóm tắt: Từ góc độ chính sách, trục lợi là hành vi của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tìm cách kiếm tiền thông qua hành vi thao túng môi trường kinh tế và pháp lý thay vì hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong thời gian qua, hành vi trục lợi diễn ra tương đối phổ biến ở nhiều ngành, lĩnh vực trong xây dựng và thực thi chính sách, như bảo hiểm, chứng khoán, tài chính - ngân hàng, xây dựng cơ bản, tác nghiệp báo chí... Hành vi trục lợi trên đã gây ra hậu quả và tổn thất nghiêm trọng cho Nhà nước và xã hội. Để kiểm soát, ngăn chặn tình trạng trên, cần sử dụng nhiều giải pháp, trong đó có việc sử dụng cơ chế giám sát xã hội.

Từ khóa: Chính sách công, giám sát xã hội, trục lợi.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: From a policy perspective, rent-seeking is the behaviour of individuals, organisations and businesses seeking to make money through the manipulation of the economic and legal environments instead of conducting production and business activities. In recent years, that has been relatively common in many sectors and fields, in their policy formulation and implementation, such as insurance, securities, finance - banking, capital construction and press... Acts of rent-seeking have caused serious consequences and losses for the State and society. To control and prevent the situation, it is necessary to use many solutions, including the use of the mechanism of social supervision.

Keywords: Public policy, social supervision, rent-seeking.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Trong thời gian qua, ở Việt Nam hành vi trục lợi trong hoạch định và thực thi chính sách diễn ra tương đối phổ biến ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, gây tổn thất rất lớn cho Nhà nước và xã hội. Đó là việc các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp lợi dụng các kẽ hở của pháp luật, sự thiếu minh bạch của cơ chế, chính sách, thậm chí có tình trạng hình thành các nhóm lợi ích câu kết với nhau để bòn rút, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Phương thức, thủ đoạn, hành vi trục lợi của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp là hết sức tinh vi, khó phát hiện. Đó có thể là sự câu kết giữa cán bộ có chức quyền với nhau, cán bộ có chức quyền với doanh nghiệp... Hành vi trục lợi trong thực thi chính sách thời gian qua diễn ra phổ biến bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan. Để kiểm soát và ngăn chặn tình trạng trên, cần sử dụng hệ thống giải pháp, trong đó có việc sử dụng cơ chế giám sát của cộng đồng - một kênh giám sát hiệu quả cần được đẩy mạnh, tăng cường trong thời gian tới. Bài viết³ phân tích hành vi trục lợi trong xây dựng và thực thi chính sách và việc ngăn ngừa hành vi này thông qua giám sát xã hội.

2. Hành vi trục lợi trong xây dựng và thực thi chính sách

Trục lợi là hành vi gây tổn thất lớn đối với cá nhân, cộng đồng và xã hội; gây ra sự bất bình đẳng trong thu nhập, kéo lùi, thậm chí hủy hoại sự đổi mới và phát triển nền kinh

tế. Theo Từ điển tiếng Việt [5, tr.1047], trục lợi là *kiếm lợi riêng một cách không chính đáng*. Theo Hán Việt Từ điển của Đào Duy Anh [1, tr.871], trục lợi là theo đuổi việc lợi. Trục lợi (Rent-seeking) [8] dùng để chỉ một đơn vị, một tổ chức hay cá nhân sử dụng nguồn lực của mình để giành được một lợi ích kinh tế từ những người khác mà không có sự đáp lại bất kỳ lợi ích nào cho xã hội. Ví dụ, một doanh nghiệp vận động Chính phủ để được ưu đãi vốn vay, trợ cấp hay bảo hộ thuế quan. Nhưng kết quả của những hành động đó không đem lại lợi ích nào cho xã hội cả, mà chúng chỉ phân phối lại nguồn lực do người dân đóng thuế tạo nên cho một nhóm lợi ích đặc biệt. Từ góc độ chính sách công [4], trục lợi là hành vi của cá nhân, tổ chức hay doanh nghiệp tìm cách kiếm tiền thông qua hành vi thao túng môi trường kinh tế và pháp lý thay vì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ý tưởng về trục lợi được Gordon Tullock phát triển vào năm 1967 [6], còn khái niệm trục lợi được Anne Krueger đưa ra vào năm 1974 [7]. Từ “rent” ở đây không ám chỉ cụ thể đến các khoản thanh toán việc thuê mướn mà nhằm hướng vào sự phân chia thu nhập thành lợi nhuận, tiền lương, và tiền thuê của Adam Smith [9]. Nguồn gốc của thuật ngữ này đề cập đến việc giành quyền kiểm soát đất đai hoặc các tài nguyên thiên nhiên khác. Trục lợi là hành vi nỗ lực chiếm đoạt lợi tức kinh tế (ví dụ, các khoản thu nhập được chi trả cho một yếu tố sản xuất vượt quá mức cần thiết để duy trì việc sử dụng nó) bằng cách thao túng các yếu tố chính trị và xã hội, nơi mà các hoạt động kinh tế diễn ra, thay vì tạo ra của cải vật chất mới. Trục lợi bao hàm việc khai

thác các giá trị không bồi hoàn từ người khác mà không đóng góp vào năng suất lao động. Ví dụ điển hình của việc trục lợi, theo Robert Shiller [10], là việc một chủ đất đặt trạm thu phí giữa một con sông chảy qua đất của mình rồi thuê một người thu phí thuyền bè đi qua. Việc đặt trạm thu phí này không tạo ra của cải mới hay đóng góp năng suất lao động. Người chủ đất không cải tiến hay nâng cấp dòng sông. Tất cả những gì người đó làm là tìm cách để thu tiền từ một thứ mà lẽ ra phải được sử dụng miễn phí.

Hành vi trục lợi trong xây dựng và thực thi chính sách gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho Nhà nước và xã hội. Chỉ xét riêng trong lĩnh vực bảo hiểm (bao gồm cả bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ) ở Việt Nam, trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, theo báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, trong giai đoạn 2007-2012, tổng số vụ trục lợi bảo hiểm đã xảy ra là 5.079 vụ với tổng số tiền bị trục lợi là 215,3 tỷ đồng. Trung bình tổn thất, sự kiện bảo hiểm về trục lợi bảo hiểm là 35,9 tỷ đồng/năm. Hành vi trục lợi bảo hiểm tăng nhanh cả về số vụ, số tiền trục lợi và quy mô trục lợi bảo hiểm. Tổng số vụ trục lợi bảo hiểm tăng từ 732 vụ năm 2007 lên 1.070 vụ năm 2012, tăng 338 vụ; tổng số tiền trục lợi bảo hiểm tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2007 lên 43,5 tỷ đồng năm 2012, tăng 30,4 tỷ. Quy mô trục lợi bảo hiểm cũng tăng nhanh từ 17,9 triệu đồng/vụ năm 2007 lên 40,6 triệu đồng/vụ năm 2012. Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, các hành vi trục lợi khác trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ chủ yếu phát hiện, thống kê được thông qua công tác giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm. Trong giai đoạn từ 2007-2013, toàn thị

trường bảo hiểm nhân thọ thống kê được khoảng 52.860 vụ trục lợi bảo hiểm với số tiền bị trục lợi ước tính khoảng hơn 530 tỷ đồng. Tùy thuộc từng doanh nghiệp, số vụ trục lợi phát hiện được chiếm khoảng từ 6-28% số vụ giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm. Các doanh nghiệp bảo hiểm phát hiện nhiều vụ trục lợi là những doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thuộc nhóm dẫn đầu thị trường như Prudential, BVNT, Dai-ichi, ACE và AIA [2].

Ở Việt Nam, những lĩnh vực thường xuất hiện hành vi trục lợi trong xây dựng và thực thi chính sách như bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm y tế...), tín dụng, chứng khoán, xây dựng cơ bản, tác nghiệp báo chí... Cách thức biểu hiện của hành vi trục lợi trong các lĩnh vực khác nhau cũng có những điểm khác nhau.

Trục lợi bảo hiểm là hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt một số tiền từ doanh nghiệp bảo hiểm mà đáng lẽ ra họ không được hưởng [11]. Hành vi trục lợi bảo hiểm rất đa dạng [12] như trường hợp khách hàng cố ý không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật, các thông tin liên quan đến tình trạng của đối tượng được bảo hiểm, như: tình trạng sức khỏe của bản thân trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm... nhằm đạt mục đích được tham gia bảo hiểm; hành vi giả mạo hồ sơ để tham gia bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra; hành vi của đại lý bảo hiểm làm khống hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dựa trên thông tin có thật về khách hàng để giao kết hợp đồng dưới tên, tuổi của khách hàng nhằm đạt kết quả thi đua trong một giai

đoạn nhất định sau đó sẽ yêu cầu hủy hợp đồng; hành vi của đại lý bảo hiểm cố tình giữ hợp đồng bảo hiểm của khách hàng đến khi hết thời gian tự do cân nhắc nhằm được hưởng hoa hồng bảo hiểm; hành vi của khách hàng thông báo cho đại lý phục vụ về yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm; hành vi tự gây thiệt hại để được nhận tiền bồi thường bảo hiểm hoặc chi trả quyền lợi bảo hiểm; hành vi lập hồ sơ giả, hiện trường giả, thay đổi tình tiết vụ tai nạn; hành vi khai tăng hoặc khai khống mức độ tổn thất, sự kiện bảo hiểm...

Trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, hành vi này cũng hay xuất hiện với nhiều dạng thức và biểu hiện khác nhau như: *thứ nhất*, kê khống, lập bệnh án khống; *thứ hai*, tuy bệnh nhân đã ra viện, nhưng vẫn chỉ định thuốc, chỉ định những dịch vụ để cho người bệnh được mang thuốc về, nhưng vô hình trung làm cho việc sử dụng quỹ của bệnh viện lãng phí và không hiệu quả; *thứ ba*, tăng cường đưa bệnh nhân vào điều trị nội trú, lách cơ chế của luật quy định, bệnh viện tuyển tỉnh, tuyển Trung ương nhằm nâng cao chất lượng và chuyên môn hóa công tác chuyên môn của các tuyến y tế, thay vào đó các cơ sở tích cực đưa bệnh nhân vào điều trị nội trú; *thứ tư*, chỉ định quá mức và không phù hợp với chuẩn đoán, có những nơi hầu như 100% bệnh nhân vào, bệnh viện phải làm các xét nghiệm mà các cơ sở khám, chữa bệnh coi đó là thường quy; *thứ năm*, sử dụng các loại thuốc có hàm lượng bào chế ít cạnh tranh. Những loại thuốc này thông thường sẽ tạo nên độc quyền trong đầu thầu. Từ độc quyền đó tạo nên giá cả rất cao, gây nên sự lãng phí trong sử dụng quỹ, rồi sử dụng những dịch vụ kỹ thuật quá mức cần thiết; *thứ sáu*, thống kê, thanh

toán sai, áp giá sai, giá không đáng ở phòng hồi sức tích cực, không cần phải nằm giường hồi sức cấp cứu nhưng áp mức giá đầy đủ thanh toán, cao hơn nhiều so với các loại giường thông thường; *thứ bảy*, nhân viên y tế khám chỉ định lại không đủ điều kiện hành nghề theo luật để khám, chữa bệnh; *thứ tám*, vấn đề sử dụng các trang thiết bị xã hội hóa hiện nay khá phổ biến [3].

Trong lĩnh vực chứng khoán, các dạng hành vi trục lợi cũng rất đa dạng [13] như tư vấn vì lợi ích cá nhân; vi phạm quy định giao dịch công bằng; giao dịch thái quá (hành vi giao dịch thái quá có nghĩa là giao dịch thường xuyên và với số lượng lớn trên tài khoản của khách hàng nhằm mục đích nhận hoa hồng mà không nhằm đạt được các mục tiêu khách hàng đã đề ra); vay và cho vay tiền hoặc chứng khoán (các công ty chứng khoán bị cấm vay tiền hay chứng khoán từ khách hàng ngoại trừ trường hợp khách hàng là tổ chức tín dụng hay các tổ chức tài chính có chức năng cho vay tiền và chứng khoán. Song nhiều công ty chứng khoán vẫn phớt lờ khi tiếp tục thực hiện hành vi này; cho khách hàng vay tiền và chứng khoán; xuyên tạc (các công ty chứng khoán có thể xuyên tạc, nói không đúng về các dịch vụ của công ty mình đối với khách hàng tiềm năng); sử dụng các báo cáo, công trình nghiên cứu của người khác...

Đối với tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt, trong quá trình kiểm soát đặc biệt, tổ chức, cá nhân có thể lợi dụng chính sách bảo hiểm tiền gửi để thực hiện các hành vi trục lợi chính sách bảo hiểm tiền gửi như chuyển tiền vay sang tiền gửi, chuyển từ đối tượng không được bảo hiểm sang đối tượng được bảo hiểm...

Trong tác nghiệp báo chí, theo kết quả khảo sát “Nhận diện hành vi trục lợi trong tác nghiệp báo chí” của Trung tâm Nghiên cứu Truyền thông phát triển (RED) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) công bố, có bốn nhóm hành vi trục lợi trong tác nghiệp báo chí đã xảy ra bao gồm: dọa dẫm tống tiền; thông đồng lợi ích nhóm; liên kết nhóm phóng viên; lợi dụng danh nghĩa nhà báo và cơ quan báo chí.

Ngoài ra, còn xuất hiện rất nhiều dạng hành vi trục lợi trong các lĩnh vực khác như trục lợi từ chính sách dành cho người có công (ví dụ, ba đối tượng hồ sơ bị giả mạo nhiều nhất là thương binh, người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thanh niên xung phong), trục lợi từ chính sách phát triển nhà ở xã hội (sắp xếp để người thân được suất mua nhà xã hội, mua đi bán lại sau khi đã hoàn thành nhằm hưởng giá chênh lệch, thay đổi thiết kế căn hộ để trục lợi...), trục lợi từ chính sách giải phóng mặt bằng của nhà nước, trục lợi từ các dự án giao dịch bất động sản, nhà ở, xây dựng, trục lợi thông qua việc tham gia Ban quản trị nhà chung cư (ví dụ, mua căn hộ nhỏ, vận động để được bầu làm Trưởng ban quản trị, sau đó thực hiện hành vi trục lợi), trục lợi thông qua việc làm méo mó thị trường cạnh tranh lành mạnh, trục lợi trong thu nộp thuế...

3. Ngăn ngừa hành vi trục lợi trong xây dựng và thực thi chính sách thông qua giám sát xã hội

Đảng và Nhà nước đã có nhiều quan tâm trong việc ban hành các quy định về giám

sát xã hội. Khoản 2, Điều 8, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân”. Điều 9 Hiến pháp năm 2013 quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội... Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 (Điều 3) về quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề cập quyền thực hiện giám sát và phản biện xã hội. Luật Báo chí năm 2016, về nhiệm vụ, quyền hạn của báo chí, Khoản 2, Điều 4 nêu rõ: Phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Quyết định 217-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013, của Bộ Chính trị khóa XI, ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013, của Bộ Chính trị khóa XI, ban hành bản Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Các văn bản này đã quy định chi tiết về giám sát và phản biện xã hội, về góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của từng tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân. Đối tượng của giám sát xã hội rất rộng bao gồm các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở; cán

bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước.

Về phương pháp giám sát rất đa dạng, theo đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp thu ý kiến phản ánh của các thành viên, đoàn viên, hội viên, ý kiến của nhân dân, ý kiến của các chuyên gia và tổ chức khảo sát thực tế để có cơ sở kiến nghị với cơ quan Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền cùng cấp; giám sát thông qua việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; giám sát thông qua nghiên cứu văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức; đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân gửi Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và qua phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia các hoạt động giám sát do các cơ quan dân cử đề nghị.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Quy chế đã quy định những nội dung phải công khai cho người dân biết, những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết, những nội dung nhân dân tham gia ý kiến. Có cơ chế thực hiện tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của người dân. Từ cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ hình thành cơ chế giám sát có hiệu quả từ công chúng tới các hoạt động của cơ quan công quyền, đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước, qua đó, các cơ quan này sẽ hoạt động có hiệu quả và trách nhiệm hơn. Trên cơ sở được biết các thông tin cần thiết, người dân mới kịp thời kiến

ngợi đến các cơ quan nhà nước để hoàn thiện chính sách, pháp luật. Những phản hồi từ phía người dân sẽ giúp các cơ quan nhà nước cân nhắc, lựa chọn và đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với lòng dân, tăng hiệu quả của chính sách. Cơ chế thông tin hai chiều giữa Nhà nước và công dân sẽ giúp cho việc quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả hơn, tăng tính trách nhiệm của công dân cũng như của các cơ quan công quyền.

Bên cạnh đó, việc tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước sẽ làm giảm tham nhũng và giúp cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hiệu quả hơn.

Để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, Luật Tiếp cận thông tin đã quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước công bố, công khai rộng rãi một số loại thông tin nhất định trên trang/ cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và đăng Công báo, niêm yết. Các thông tin phải được công khai rất rộng như các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo

quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính; chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước; thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước; thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, các loại quỹ; thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn... Bên cạnh Luật Tiếp cận thông tin còn nhiều văn bản quy phạm pháp luật riêng biệt khác có quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong từng mảng, lĩnh vực riêng có trách nhiệm công bố, công khai thông tin. Một số văn bản quy phạm pháp luật liệt kê các thông tin được tiếp cận trong

nhiều lĩnh vực, ví dụ Luật Báo chí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Công nghệ thông tin, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật... quy định các thông tin phải được công khai thuộc các lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, còn có các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liệt kê các thông tin được tiếp cận trong lĩnh vực chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Quy hoạch đô thị... Các luật này cần phải được áp dụng đồng bộ, thống nhất, một mặt, thông qua các văn bản luật; mặt khác, thông qua các văn bản quy định chi tiết thi hành, bảo đảm cao nhất quyền của người dân được tiếp cận thông tin, qua đó bảo đảm quyền giám sát xã hội của người dân.

4. Kết luận

Qua việc phân tích, lý giải hành vi trực lợi ở một số lĩnh vực đã cho thấy hậu quả to lớn của nó đến Nhà nước và xã hội. Để kiểm soát, ngăn chặn tình trạng trên, việc sử dụng cơ chế giám sát của xã hội là một kênh hiệu quả. Đó là việc phải phát huy, tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phân biệt xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; việc thực hiện nghiêm quy chế dân chủ cơ sở, công khai thông tin cho người dân để nhân dân góp ý kiến, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách. Bên cạnh đó, huy động sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của báo chí; tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của

các cơ quan nhà nước. Đây là những giải pháp hữu hiệu để kiểm soát, ngăn chặn nhóm lợi ích trong hoạch định và thực thi chính sách công.

Chú thích

³ Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Nhà nước: “Giám sát xã hội đối với thu nhập, tài sản và hành vi của cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, mã số KX.01.34/16-20

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2005), *Hán Việt Từ điển*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Báo cáo Đánh giá tác động của dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi).
- [3] “*Giải pháp để quản lý hiệu quả quỹ Bảo hiểm y tế, quỹ Bảo hiểm xã hội*”, Chương trình tọa đàm trực tuyến, Công thông tin điện tử Chính phủ, 2016

- [4] Thông tấn xã Việt Nam, *Tin tham khảo nội bộ (phần Quốc tế)*, số 060/TKNB-QT, ngày 01-4-2019
- [5] Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [6] David R. Henderson, “Rent Seeking”, Econlib.org
- [7] Krueger, Anne (1974). “The Political Economy of the Rent-Seeking Society”, *American Economic Review* 64 (3).
- [8] <https://www.saga.vn/thuat-ngu/rent-seeking-truc-loi-2786>
- [9] <https://www.investopedia.com/terms/r/rentseeking.asp>, *Investopedia*, truy cập ngày 27-07-2019
- [10] <https://www.project-syndicate.org/commentary/the-rent-seeking-problem-in-contemporary-finance-by-robert-j--shiller?barrier=accesspaylog>
- [11] <http://www.csqt.vn/tintuc/8683/Ngan-ngua-truc-loi-bao-hiem-bang-cac-quy-dinh-ve-quan-ly,-giam-sat-cua-co-quan-nha-nuoc.html>
- [12] <https://luatsuphamtuananh.com/bai-viet---tintuc/mot-so-dang-hanh-vi-truc-loi-bao-hiem/vn>
- [13] <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/12/27/2147/>, trích dẫn từ <http://bwportal.com.vn/?cid=4,4&txtid=2435>